TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **67**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 06 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 58/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lương Quang H, sinh năm 1996; Căn cước công dân số 046096008XXX, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Tổ dân phố A, xã C, thành phố Huế.

- Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1996; Căn cước công dân số 046196011XXX, cấp ngày 15/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn M, xã P, thành phố Huế.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Uỷ ban nhân dân xã C, thành phố Huế) nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh H và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L thuận tình ly hôn.

1.2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000476 và Biên lai số 0000477 cùng ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Lương Quang H và chị Lê Thị Bích L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- UBND xã C*(ĐKKH ngày 23/9/2022);*
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký và dóng dấu)

Trần Ngọc Tú